

-기에 다름 아니다

chẳng khác gì, không gì khác ngoài

Đồng nhất một điều với một điều khác theo cách mạnh mẽ nhất. Thường gặp trong văn nghị luận — và, giống như -(으)ㄴ데 있어, là một cấu trúc mà các sách hướng dẫn văn phong tiếng Hàn còn tranh cãi.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Động từ	-기에 다름 아니다	포기하다 → 포기하기에 다름 아니다
Danh từ	-에 다름 아니다	항복에 다름 아니다
Trước danh từ	다름 아닌	다름 아닌 우리 자신이다
Lựa chọn thuần Hàn	-(이)나 다름없다	포기나 다름없다
Khoảng cách	다름 là danh từ	다름 아니다
Ghi chú văn phong	ưu tiên 다름없다	bị xem là sao phỏng

Khi nào dùng

Gắn -기에 다름 아니다 vào gốc động từ, hoặc 에 다름 아니다 vào danh từ: 항복에 다름 아니다. 다름 là danh từ nên được viết cách ra.

Nhận định là một phép đồng nhất: điều trông như thế này thực chất lại là thế khác, và người nói muốn điều đó được thừa nhận. 지금 물러서는 것은 포기하기에 다름 아니다.

Giờ đến lưu ý. 에 다름 아니다 bị nhiều người xem là một sao phỏng từ tiếng Nhật にほかならない, và các sách hướng dẫn văn phong khuyên dùng -(이)나 다름없다 hoặc một câu 바로 -이다 đơn giản thay thế.

Lựa chọn thuần Hàn -(이)나 다름없다 nói cùng một ý mà không gây tranh cãi: 포기나 다름없다. Nên ưu tiên dùng dạng này khi tự viết.

Ví dụ trong câu

- 1** 지금 물러서는 것은 포기하기에 다름 아니다.
Rút lui bây giờ chẳng khác gì bỏ cuộc.
- 2** 그런 조건을 받아들이는 것은 항복에 다름 아니다.
Chấp nhận những điều kiện như vậy chẳng khác gì đầu hàng.
- 3** 책임을 묻지 않는 것은 방조하기에 다름 아니다.
Để yên không xử lý thì chẳng khác gì tiếp tay cho nó.
- 4** 문제의 원인은 다름 아닌 우리 자신에게 있다.
Nguyên nhân của vấn đề không phải ai khác mà chính là chúng ta.
- 5** 직접 만든다면서 조립만 하는 것은 눈속임이나 다름없다.
Chỉ lắp ráp mà nói là tự sản xuất thì chẳng khác gì lừa dối.
- 6** 사실상 폐지나 다름없는 조치였습니다.
Đó là một biện pháp trên thực tế chẳng khác gì bãi bỏ.

So sánh với

-(이)나 다름없다
Dạng tương đương thuần Hàn, và là dạng các sách hướng dẫn văn phong ưu tiên. Nó gắn vào danh từ và không gây tranh cãi.
포기에 다름 아니다. (sao phỏng) / 포기나 다름없다. (nên dùng)

-(으)ㄴ/는 격이다
격이다 đánh giá qua một hình ảnh so sánh — nó giống như vậy. 다름 아니다 khẳng định sự đồng nhất — nó chính là vậy.
계란으로 바위 치는 격이다. (giống như) / 항복에 다름 아니다. (chính là)

-에 불과하다
불과하다 hạ thấp — chỉ đơn thuần là vậy. 다름 아니다 khuếch đại — chính xác là vậy, và còn tệ hơn về ngoài.
형식에 불과하다. (chỉ là hình thức) / 항복에 다름 아니다. (chẳng khác gì đầu hàng)

Lưu ý

- ✗** 그런 조건은 항복에 다름 아니다.
○ 그런 조건은 항복에 다름 아니다.
다름 là danh từ và được viết cách ra trước 아니다.
- ✗** 문제의 원인은 다름 아니다 우리 자신이다.
○ 문제의 원인은 다름 아닌 우리 자신이다.
Để bổ nghĩa cho danh từ phía sau, cần dùng 다름 아닌.
- ✗** 그건 좋은 결과에 다름 아니다.
○ 그건 좋은 결과나 다름없다.
에 다름 아니다 là sao phỏng và tốt nhất nên tránh; với phép đồng nhất mang nghĩa tích cực, 다름없다 vừa tự nhiên vừa trung tính.